

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3403/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 8036/TTr-STC-VP ngày 28 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **44** thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính, cụ thể:

1. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh: 05 thủ tục được sửa đổi, bổ sung (Phụ lục I);

2. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: 29 thủ tục được sửa đổi, bổ sung (Phụ lục II);

3. Lĩnh vực Quản lý công sản, Tài chính đất đai: 01 thủ tục mới ban hành và 07

thủ tục được sửa đổi, bổ sung (Phụ lục III);

4. Lĩnh vực Phí, lệ phí: 02 thủ tục được sửa đổi, bổ sung (Phụ lục IV).

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, Công bố thủ tục hành chính).

Điều 2. Giao Sở Tài chính rà soát, đánh giá tiêu chí để cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo các phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và cập nhật đầy đủ lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Công bố thủ tục hành chính trước đây đối với các lĩnh vực nêu tại Điều 1 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

PHỤ LỤC I**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH***(Ban hành kèm theo Quyết định số 3403/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)***Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã**

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1.	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	- Mức thu: 100.000 đồng/lần/đăng ký. - Đối tượng miễn thu: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.	- Nghị định số 101/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;
2.	2.000720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã phải thông báo bằng văn bản cho người nộp hồ sơ hoặc người thành lập hộ kinh doanh. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cấp	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã		- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ

			Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong trường hợp hộ đăng ký kinh doanh thay đổi địa chỉ trụ sở, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đặt địa chỉ mới phải thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi trước đây hộ kinh doanh đã đăng ký.			trường Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp; - Thông ịtur số ị43/2025/TT-BTC ngày 18/4/2023 của Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, ịliên ịhiệp hợp ịtác ịxã ịkhi ịtổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;
3.	1.001570	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Không	- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
4.	1.001266	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Không	- Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bãi bỏ các phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại ịlệ ịphí ịtrên ịđịa ịbàn ịThành phố Hồ Chí Minh.
5.	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	- Mức thu: 100.000 đồng/lần/dăng ký. - Đối tượng miễn thu: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với	

					cách mạng.	- Quyết định số 1323/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính. - Quyết định số 2102/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
--	--	--	--	--	------------	--

PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG,
HỖ TRỢ CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3403/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1.	2.002635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	- Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Không. - Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023	- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và
2.	2.002636	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	- Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Không. - Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		giả mạo				Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.
3.	2.002637	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; iđăng ký itổ hợp itác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023	- Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. - Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ịngày i09/12/2016 ịcủa Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố. - Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 19/5/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức thu lệ phí trong thực hiện thủ
4.	2.002638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023	
5.	2.002639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023	
6.	2.002640	Hiệu iđỉnh, icập ịnhật, ibổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ Hành chính	Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			hợp lệ	công cấp xã	định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023	tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
7.	2.002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023	- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
8.	2.002642	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	* Trường hợp thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ theo quy định. * Trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác: - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn (thời hạn 03	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023	- Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bãi bỏ các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định số 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24/4/2025 của Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác).			chức năng quản lý của Bộ Tài chính. - Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
9.	2.002643	Dừng ịthực hiện ịthủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Không	
10.	2.002644	Dừng ịthực hiện ịthủ tục đăng ký tổ hợp tác	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023	
11.	2.002645	Dừng ịthực hiện ịthủ tục	03 ngày làm	Trung tâm	Không	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	việc kể từ ngày nhận được đề nghị	Phục vụ Hành chính công cấp xã		
12.	2.002646	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Không	
13.	2.002648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Không	
14.	2.002649	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Thu phí trong trường hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bổ sung, cập nhật các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh: - Nộp trực tiếp: 100.000 đồng/lần/dăng ký.	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Nộp trực tuyến: 0 đồng.	
15.	2.002650	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Không	
16.	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	- Nộp trực tiếp: 100.000 đồng/lần/đăng ký. - Nộp trực tuyến: 0 đồng.	
17.	2.002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	- Nộp trực tiếp: 100.000 đồng/lần/đăng ký. - Nộp trực tuyến: 0 đồng.	
18.	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	- Nộp trực tiếp: 100.000 đồng/lần/đăng ký. - Nộp trực tuyến: 0 đồng.	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nhập				
19.	1.004901	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	- Nộp trực tiếp: 100.000 đồng/lần/đăng ký. - Nộp trực tuyến: 0 đồng.	
20.	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Không	
21.	2.001958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Không	
22.	1.005387	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	- Nộp trực tiếp: 100.000 đồng/lần/đăng ký. - Nộp trực tuyến: 0 đồng.	
23.	1.005377	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Không	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh				
24.	2.001973	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	- Nộp trực tiếp: 100.000 đồng/lần/đăng ký. - Nộp trực tuyến: 0 đồng.	
25.	1.004982	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được nghị quyết giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể. - Sau thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Không	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			doanh cấp huyện nhận được nghị quyết giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mà không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.			
26.	1.005010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	- Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong nước: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Không	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Kết thúc thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			chức, cá nhân và bên có liên quan khác. - Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.			
27.	2.002226	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	Không quy định	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Không	- Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015; - Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác;
28.	2.002228	Thông báo chấm dứt hoạt động của Tổ hợp tác	Không quy định	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Không	- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. - Quyết định số 1831/QĐ-BKHĐT ngày 21/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và ịhoạt động ịcủa tổ ịhợp tác thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - ị ịQuyết ịđịnh ịsố ị1474/QĐ-BTC ngày 24/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính. - Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, ịbổ sung ịtrong lĩnh

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính
29.	2.002668	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Không	- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20 tháng 6 năm 2023; - Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						02 cấp. - Quyết định số 2373/QĐ-BKHĐT ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

B. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định đã công bố thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	2.002227	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	Quyết định số 2299/QĐ-BTC ngày 04/6/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính	Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

PHỤ LỤC III**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN, TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3403/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. Danh mục thủ tục hành chính công bố mới ban hành

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Quản lý công sản						
1	3.000425	Khai thác tài sản KCHT đường sắt đô thị theo phương thức cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác (đối với tài sản liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia)	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b, c và d khoản 3 Điều 33 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP	Sở Xây dựng	Không	- Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. - Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; - Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố 1 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						- Quyết định số 2096/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý công sản, tài chính đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Quản lý công sản; Tài chính đất đai						
1.	3.000410	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không có người thừa kế	- Đối với tài sản thuộc thẩm quyền xác lập của Ủy ban nhân dân cấp xã: 29 ngày. - Đối với tài sản thuộc thẩm quyền xác lập của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 36 ngày.	- Sở Tài chính; - Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Không	- Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; - Quyết định số 1327/QĐ-

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						BTC ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2096/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý công sản, tài chính đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
2.	1.012994	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã - Cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						quyền của ịchính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; - Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; - Quyết định số 2589/QĐ-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đất đai và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính; - Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm ịvị ịchức năng ịquản ịlý của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2096/QĐ-

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý công sản, tài chính đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
3.	3.000327	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	<i>Trường hợp giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý:</i> Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của Chủ đầu tư dự án, Cơ quan về thủy lợi cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp tỉnh và cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao	- Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Không	- Nghị định số 8/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; - Quyết định số 143/QĐ-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			tài sản. <i>Trường hợp giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý:</i> - Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của chủ đầu tư dự án, cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp xã và cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định giao tài sản. - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị có			quản lý của Bộ Tài chính; - Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính. - Quyết định số 2096/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý công sản, tài chính đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			liên quan thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành biên bản theo Mẫu số 01/BB tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 8/2025/NĐ-CP.			
4.	3.000326	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	*Đối với tài sản do UBND cấp tỉnh quản lý: - Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của doanh nghiệp có tài sản, cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh: + Xem xét, quyết định thanh lý/xử lý đối với tài sản thuộc thẩm quyền quyết định thanh lý/xử lý của mình theo phân cấp quy định tại khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 24 Nghị định số	- Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Không	- Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; - Quyết định số 143/QĐ-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			8/2025/NĐ-CP hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý/xử lý tài sản không phù hợp. + Xem xét, có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với tài sản thuộc thẩm quyền quyết định thanh lý/xử lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thanh lý/xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý/xử lý tài sản không phù hợp. *Đối với tài sản do UBND cấp xã quản lý: 30 ngày kể từ ngày			lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính; - Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2096/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý công sản, tài chính đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			nhận đủ hồ sơ.			
5.	3.000424	Chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Sở Xây dựng	Không	- Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. - Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; - Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2096/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý công sản, tài

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						chính đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
6.	3.000429	Điều chuyển tài sản KCHT đường sắt đô thị	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Sở Xây dựng	Không	- Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. - Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
7.	3.000434	Sử dụng tài sản KCHT đường sắt đô thị để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	30 ngày	Sở Xây dựng	Không	- Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. - Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						vực quản lý công sản thuộc phạm ịvi ịchức năng ịquản ịlý của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2096/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa ịđổi, bổ ịsung ịtrong ịlĩnh vực quản lý công sản, tài chính đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

PHỤ LỤC IV
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC PHÍ, LỆ PHÍ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3403/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	1.008603	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	- Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường, Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp xã giao thực hiện: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận Tờ khai phí	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - Cơ quan chuyên môn được ủy ban nhân dân cấp xã giao thực hiện	Không	- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; - Quyết định số 967/QĐ-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						nước của Bộ Tài chính; - Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2113/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực phí, lệ phí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
2	1.013040	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Tổ chức thu phí thẩm định Tờ khai phí trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ khai phí. Trường hợp số phí phải nộp theo kết quả thẩm định khác với số phí người nộp phí đã kê khai, nộp thì tổ chức thu phí ban	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - Cơ quan chuyên môn được ủy ban nhân dân cấp xã giao thực hiện	Không	- Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			hành ịThông báo ịnộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải gửi người nộp phí, chậm nhất trong 10 ngày làm ịviệc kể ịtừ ngày kết thúc thẩm định.			Tài chính; - Quyết định số 2869/QĐ-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban ịhành ịtrong lĩnh ịvực ịthuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính; - Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2113/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực phí, lệ phí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.